

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-PT
Ngày 11 -01- 2022
V/v tranh chấp về dân sự -
Bồi thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trần Trung Thành

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Ngọc Giao

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 11/01/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2021/TLPT- DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp về dân sự – Bồi thường thiệt hại về tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 310/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Việt T, sinh năm: 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện M, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Văn phòng Huyện ủy huyện M.

Địa chỉ trụ sở: Khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện M, Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Q; Chức vụ: Chánh Văn phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đăng Kh – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Điền (Có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Võ Thị Bé T1, sinh năm: 1961 (Có mặt);

3.2. Nguyễn Quốc T1, sinh năm: 1987 (Có mặt);

3.3. Nguyễn Thị Hồng L1, sinh năm: 1989 (Vắng mặt);

3.4. Nguyễn Thị Huyền T3, sinh năm: 1991 (Vắng mặt);

3.5. Nguyễn Tài Đ, sinh năm: 1992 (Vắng mặt);

3.6. Trang Thị K, sinh năm: 1988(Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Láng Biền, huyện M, Đồng Tháp.

3.7. Trạm bơm bờ Đông kênh Ba- K.307.

Địa chỉ: Ấp M1, xã P, huyện M, Đồng Tháp.

Người đại diện: Ông Đỗ Văn T5, sinh năm: 1969, người ký hợp đồng thuê Trạm bơm bờ Đông kênh Ba- K.307 với Văn phòng Huyện ủy huyện M (Có mặt).

4. Kháng cáo: Ông Nguyễn Việt T là nguyên đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Nguyễn Việt T là nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2003, ông Nguyễn Việt T nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn Thệ hai thửa đất 183, 184, thuộc tờ bản đồ số 3, diện tích $8.765m^2$, đất tọa lạc tại xã Phú Điền, huyện M, Đồng Tháp. Việc chuyển nhượng không có đo đạc thực tế, giá chuyển nhượng không nhớ, đất hiện nay do hộ ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông T nhận chuyển nhượng đã có kênh kháng chiến (nay là kênh thủy lợi) nhưng không xác định kênh ngang bao nhiêu mét và có cái bờ đề ngang mặt bờ bình quân khoảng 0,4m, hiện nay thì lòng kênh kháng chiến có rộng hơn. Nguyên nhân vào năm 2008, Văn phòng huyện ủy M mức kênh kháng chiến lấn vào đất thịt của ông chiều ngang bao nhiêu mét ông không xác định được do ông sinh sống và có hộ khẩu ở xã khác nhưng đất bị mức và đất để làm bờ ở đầu giáp đất bà Giới từ 2,7m đến 03m; đầu giáp kênh 500 là 5,4m, dài 219m. Đối với bờ ranh hiện trạng do Nhà nước quản lý và sử dụng, ông không có quản lý, sử dụng.

Sau khi đo đạc hiện trạng thì diện tích đất thực tế ít hơn diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông T yêu cầu như sau:

1. Yêu cầu Văn phòng huyện ủy M bồi thường diện tích đất bị mất (do mức kênh và làm bờ) đo đạc thực tế là $770,6m^2$ thuộc một phần thửa đất số 183, 184, tờ bản đồ số 3, xã Phú Điền, do ông Nguyễn Việt T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất x giá $135.000.000 \text{ đồng}/1.000m^2$, thành tiền 104.031.000 đồng.

2. Yêu cầu Văn phòng huyện ủy M trả tiền lợi nhuận từ vụ 3/2008 đến vụ lúa hè thu/2019 là 33 vụ, mỗi vụ $3.000.000 \text{ đồng} \times$ diện tích $770,6m^2$, thành tiền 99.000.000 đồng.

Tổng cộng: 203.031.000 đồng.

Ông Võ Đăng Kh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Không đồng ý toàn bộ yêu cầu của ông T. Lý do:

Kênh kháng chiến (nay là kênh thủy lợi) đã có rất lâu, trong quá trình các hộ dân sử dụng đất đã tự lấp một phần kênh để sản xuất lúa. Năm 2008, Nhà nước có chủ

trương là vét lại kênh để phục vụ tưới tiêu, việc vét lại kênh là có hợp dân, có lập Biên bản họp dân, nhưng do qua nhiều thời kỳ nên Biên bản họp dân hiện nay Văn phòng huyện ủy đã thất lạc do di dời trụ sở qua nhiều lần. Việc vét lại kênh kháng chiến chi phí do Nhà nước đầu tư, bờ kênh thì người dân quản lý, sử dụng. Nhà nước không có quản lý, sử dụng phần bờ kênh kháng chiến như lời trình bày của ông T.

Bà Võ Thị Bé T1 và anh Nguyễn Quốc T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Võ Thị Bé T1 và anh Nguyễn Quốc T2 là vợ và con của ông T, thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T, không có ý kiến trình bày bổ sung.

Ông Đỗ Văn T5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Năm 2019, ông có ký hợp đồng thuê Trạm bơm bờ Đông kênh Ba- K.307 với Văn phòng huyện ủy M để phục vụ tưới tiêu, trong đó có kênh kháng chiến (nay là kênh thủy lợi). Trạm bơm chỉ sử dụng tưới tiêu phần kênh, không có quản lý sử dụng phần bờ kênh kháng chiến. Nhưng từ vụ lúa đông xuân năm 2019- 2020 ông T nói đất của ông bị mất do mức kênh và ông T không cho Trạm bơm tưới tiêu nên Ủy ban nhân dân xã Phú Điền có lập biên bản và tạm thời Trạm bơm thuê đất của ông T một năm là 4.000.000 đồng/1.000m². Trong vụ án này, Trạm bơm bờ Đông kênh Ba- K.307 không có yêu cầu gì.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 15/2021/DS-ST, ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông T số tiền 6.837.750 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Việt T, về việc yêu cầu Văn phòng Huyện ủy huyện M bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 203.031.000 đồng.

Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Việt T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.294.000 đồng và chi phí hỗ trợ Cán bộ Địa chính là 100.000 (đã nộp xong).

Về án phí: Ông Nguyễn Việt T phải chịu 10.152.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Nguyễn Việt T được miễn nộp án phí. Vì thuộc trường hợp người cao tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/5/2021, ông Nguyễn Việt T là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông T yêu cầu Văn phòng huyện ủy M bồi thường diện tích đất bị mất (do mức kênh và làm bờ) là 104.031.000 đồng; tiền lợi nhuận từ vụ 3 năm 2008 đến vụ lúa hè thu năm 2019 là 33 vụ, mỗi vụ

3.000.000 đồng là 99.000.000 đồng. Tổng cộng: 203.032.000 đồng; ông Nguyễn Việt T không đồng ý chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.294.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Việt T trình bày: Ông T yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, buộc Văn phòng huyện ủy M bồi thường diện tích đất bị mất (do mức kênh và làm bờ) là 104.031.000 đồng; tiền lợi nhuận từ vụ 3 năm 2008 đến vụ lúa hè thu năm 2019 là 33 vụ, mỗi vụ 3.000.000 đồng là 99.000.000 đồng. Tổng cộng: 203.032.000 đồng; ông Nguyễn Việt T không đồng ý chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.294.000 đồng.

Ông Võ Đăng Kh trình bày: Văn phòng huyện ủy M không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoảng 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Việt T còn trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc các thửa đất 183 có diện tích 3.890m², 184 có diện tích 4.875m², cùng thuộc tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất lúa, đất tọa lạc tại xã P, huyện M, tỉnh Đồng Tháp là của cha mẹ ông T6 chết để lại ông T6, ông T6 được cấp quyền sử dụng đất ngày 11/11/1993 (tự kê khai, không đo đạc diện tích thực tế). Sau đó ông T6 chuyển nhượng cho bà Lê Thị V nhưng không có làm thủ tục sang tên cho bà V. Bà V cùng chồng là ông Nguyễn Văn H canh tác được khoảng một năm ông, bà chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Việt T. Việc chuyển nhượng đất từ ông T6 cho bà V, bà V cho ông T không có đo đạc thực tế. Năm 2003, ông T6 làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Việt T, hộ ông T được Ủy ban nhân dân huyện M cấp quyền sử dụng ngày 22/10/2003, việc chuyển nhượng này cũng không T hành đo đạc thực tế, ông T6 chuyển nhượng theo diện tích đất mà ông T6 được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Từ khi nhận chuyển nhượng đất cho đến nay hộ ông T là người trực tiếp quản lý, sử dụng.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Việt T yêu cầu Văn phòng huyện ủy M bồi thường diện tích đất bị mất (do mức kênh và làm bờ) là 104.031.000 đồng.

Kênh kháng chiến (nay là kênh thủy lợi) có từ rất lâu, trước khi ông T nhận chuyển nhượng đất của ông T6. Trong quá trình sử dụng kênh, các hộ có đất giáp với kênh đã tự lấp một phần kênh để sản xuất lúa, lấp kênh trước khi ông T6 chuyển nhượng cho bà V. Năm 2008, việc vét lại kênh kháng chiến có hợp dân không các hộ dân lân cận không nhớ nhưng trước khi vét kênh thì nhà nước có yêu cầu người dân xác định ranh giới giữa đất người dân với hiện trạng kênh trước đây mới thi công công trình nên không có lấn vào đất của người dân. Điều này được các người làm chứng là ông Lê Văn T6, ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị V và ông Võ Văn Đ1 thừa nhận.

Ông Nguyễn Việt T được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 8.765m², đo đạc thực tế là 7.745,6m², diện tích tranh chấp là 770,6m², tổng cộng 8.516,2m². Ông T cho rằng 770,6m² là bờ đê của đường kênh thủy lợi là đất của ông mà trạm bơm nạo vét kênh để lên đất ruộng của ông làm không sản xuất lúa được, về diện tích đất thiếu 248m² là do trạm bơm mức kênh làm đất ông bị sạt lở. Còn bờ kênh hiện nay là do nhà nước mức đất dưới kênh và mức lấn vào đất liền của ông, bờ ranh khi chuyển nhượng đất của ông T6 không còn, vị trí hiện nay ở lòng kênh. Nhưng ông T6, ông H, bà V đều thừa nhận diện tích đất chuyển nhượng là không có đo đạc thực tế, mà chỉ tách trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất chuyển nhượng thực tế có diện tích lớn hơn diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì trước đây có lấp kênh để sản xuất lúa. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng thừa nhận việc chuyển nhượng đất không có đo đạc thực tế. Tại phiên tòa, ông T cho rằng là có đo đạc cùng với ông T6, đo bằng tầm, không có ghi nhận lại số liệu nhưng không được ông T6 thừa nhận. Xét lời trình bày của ông T là không có căn cứ. Vì thực tế thửa đất 183, 184 do ông T6 đứng tên, nhưng bà V, ông H là người trực tiếp sử dụng đất (bà V là em ruột ông T6), bà V trực tiếp thỏa thuận chuyển nhượng với ông T, ông T trực tiếp thanh toán giá trị đất cho bà V, ông T6 chỉ là người thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, nên không có việc ông T6 đo đạc đất với ông T. Ngoài ra tại biên bản ghi lời khai ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, ông T thừa nhận từ khi nhận chuyển nhượng đất của ông T6 cho đến nay hiện trạng tứ cận đất của ông T không thay đổi, ông cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh việc đất ông bị mất do vét kênh kháng chiến (Thủy Lợi).

Do đó, ông Nguyễn Việt T kháng cáo yêu cầu Văn phòng huyện ủy M bồi thường diện tích đất bị mất (do mức kênh và làm bờ) là 104.031.000 đồng không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo của ông T yêu cầu Văn phòng huyện ủy M bồi thường tiền lợi nhuận từ vụ 3 năm 2008 đến vụ lúa hè thu năm 2019 là 33 vụ, mỗi vụ 3.000.000 đồng là 99.000.000 đồng.

Như phân tích ở trên, việc nạo vét lại kênh kháng chiến (nay là kênh thủy lợi) là để phục vụ tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp là công trình công cộng,

trong quá trình nạo vét không có lấn vào đất của hộ ông Nguyễn Việt T tại thửa đất số 183, 184, tờ bản đồ số 03. Bờ kênh kháng chiến tiếp giáp với đất lúa của ông T, đất ông T không có bờ ranh riêng nên từ khi chuyển nhượng đất của ông T6 cho đến nay ông T đều sử dụng bờ kênh này để bảo vệ nước khi trạm bơm tưới, tiêu. Mặc khác tại Công văn số 879/UBND-NC ngày 25/02/2021 của Ủy ban nhân dân huyện M xác định theo hồ sơ địa chính thì phần đất bờ kênh kháng chiến thuộc quyền sử dụng của hộ ông T. Do đó từ khi ông T nhận chuyển nhượng đất của ông T6 cho đến nay, ông T vẫn sử dụng bờ kênh kháng chiến, vẫn canh tác lúa nên quyền và lợi ích của ông T chưa bị xâm phạm nên ông T yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có căn cứ. Hơn nữa theo sơ đồ đo đạc thẩm định thực tế ngày 20/4/2021, bờ đê giáp đất ông T là một đường thẳng, không bị lõm, khuyết, phù hợp lời trình bày của ông Kh việc đào kênh kháng chiến không xâm lấn vào đất của ai, kênh kháng chiến rất dài và giáp rất nhiều hộ dân. Ngoài hộ ông T, như hộ bà G, hộ ông H, hộ ông Đ1... không ai bị mất đất do mức kênh kháng chiến.

[2.4] Xét kháng cáo về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”*. Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu chi phí này nếu không có thỏa thuận khác. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông T không đồng ý chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.294.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Việt T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Việt T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, Điều 293 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 244 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 100 của Luật đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Việt T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông T số tiền 6.837.750 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Việt T, về việc yêu cầu Văn phòng Huyện ủy huyện M bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 203.031.000 đồng.

3. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Việt T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.294.000 đồng và chi phí hỗ trợ Cán bộ Địa chính là 100.000 (đã nộp xong).

4. Về án phí: Ông Nguyễn Việt T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành